

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 304/2022/DS-PT

Ngày: 11 - 5 - 2022

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản và
bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 436/2021/TLPT- DS ngày 07 tháng 9 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2755/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Phú H, sinh năm: 1953 (vắng mặt)

2. Bà Hồ Thị Q, sinh năm: 1953 (vắng mặt)

Cùng cư trú: 21, C street, B, G, QLD.4216 Australia.

Cùng tạm trú: 278/4, T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông H, bà Q ủy quyền cho luật sư Nguyễn Trường T, sinh năm: 1961 (vắng mặt)

Cư trú: 58C, đường H1, phường T1, quận N thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Cẩm H1, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Cư trú: E3 - 41, đường số 39, khu dân cư 586, phường P, quận C1, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cư trú: 15B, Đường số 8, khu dân cư H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/Bà Trần Ngọc H3, sinh năm 1994 (có mặt)

Cư trú: 175 T2, phường C2, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng Công chứng C (tên cũ Văn phòng Công chứng V) (xin xét xử vắng mặt).

Trụ sở: 93 đường L, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Đỗ Thị G, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

3. Ông Trương Minh Q1, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Cùng cư trú: 222A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà G, ông Q1 ủy quyền cho ông Võ Hồ Thế P, sinh năm: 1977 (có mặt)

Cư trú: 62 đường 30/4, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền 20/8/2019)

4. Bà Phan Thị Kim N, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

5. Ông Đỗ Minh G1, sinh năm: 1982 (vắng mặt) .

Cùng cư trú: 118/9/47C, đường T3, phường C2, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Phú H và bà Hồ Thị Q trình bày:

Từ năm 2007 đến năm 2009 chúng tôi có gửi tiền cho cháu ruột (cháu gọi ông Võ Phú H bằng cậu ruột) là bà Võ Thị Cẩm H1 mua miếng đất đứng tên dùm đối với phần đất có diện tích 1.200m² (trong đó có 150m² đất ở đô thị) tọa lạc tại khu đô thị C3, phường C2, quận N, thành phố Cần Thơ đã được Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01761/QSĐĐ ngày 29/5/2009.

Ngày 16/09/2010 vợ cH1 chúng tôi về Việt Nam thăm nhà và cùng bà Võ Thị Cẩm H1 đến Văn phòng Công chứng V (nay là Văn phòng Công chứng C) lập văn bản cam kết đứng tên giùm không được sang nhượng, mua bán, cầm cố thế chấp cho cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, ngày 08/11/2016 bà Võ Thị Cẩm H1 cố tình làm trái quy định của pháp luật lấy phần đất nêu trên chuyển nhượng cho vợ cH1 Đỗ Thị G.

Ngày 21/02/2018 vợ cH1 tôi có đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cần Thơ về việc bà Võ Thị Cẩm H1 lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 25/06/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ có văn bản số 441 trả lời không khởi tố vụ án hình sự.

Nay, ông bà khởi kiện yêu cầu bà H1 liên đới cùng Văn phòng Công chứng C trả lại cho ông bà số tiền Việt Nam tương đương 120 lượng vàng SJC.

Buộc bà Võ Thị Cẩm H1 liên đới cùng Văn phòng Công chứng C bồi thường thiệt hại 50% phần chênh lệch giá trị tài sản tranh chấp theo giá thị

trường tại thời điểm hiện nay sau khi khấu trừ số tiền vốn mà ông Võ Phú H, bà Hồ Thị Q bỏ tiền ra mua đất.

Ngày 15/5/2019 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu:

1. Xác định giá trị 120 lượng vàng tương đương 4.364.400.000 đồng nên đề nghị bà H1 trả lại cho nguyên đơn 120 lượng vàng.

2. Xác định giá trị chênh lệch của phần đất mà nguyên đơn cho bà H1 đứng tên dùm tạm tính đến thời điểm này là 1.500.000.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản là: 4.364.400.000 đồng + 1.500.000.000 đồng = 5.864.400.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị Cẩm H1 trình bày:

Ông H và bà Q khởi kiện yêu cầu: Buộc bà liên đới cùng Văn phòng Công chứng C trả lại cho ông H và bà Q số tiền tương đương 120 lượng vàng SJC là số tiền mà H, bà Q gửi về để bà mua đất đứng tên giùm. Đối với phần đất có diện tích 1.200m² trong đó có 150m² đất ở đô thị). Tọa lạc tại khu đô thị C3, phường C2, quận N, thành phố Cần Thơ trên đó có căn nhà cấp 4 diện tích 82,92m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0176/QSDĐ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 29/5/2009, Văn bản thỏa thuận ngày 16/9/2010 tại Văn phòng Công chứng V (nay là Văn phòng Công chứng C).

Buộc bà cùng liên đới với Văn phòng Công chứng C bồi thường thiệt hại 50% phần chênh lệch giá trị tài sản tranh chấp theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay sau khi khấu trừ số tiền vốn mà ông H và bà Q bỏ tiền ra chuyển nhượng đất.

Tuy nhiên, theo bà trong Văn bản thỏa thuận về việc đứng tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H và bà Q cung cấp thực chất không phải là chữ ký của bà và bà không có ký tên trong bất kì văn bản nào về việc thỏa thuận đứng tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Võ Phú H và bà Hồ Thị Q. Bên cạnh đó, kết quả giám định chữ ký của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ đối với chữ ký trên văn bản thỏa thuận là không đủ cơ sở chứng minh đây là chữ ký của bà.

Từ những lý do trên, bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị G và ông Trương Minh Q1 ủy quyền cho ông Võ Hồ Thế P trình bày:

Tháng 11/2016, bà Đỗ Thị G có nhận chuyển nhượng 1.200m² (đất ODT và CLN) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 82.92m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 36 tại khu vực III, sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ từ bà Võ Thị Cẩm H1. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thực hiện đúng quy định pháp luật nên ngày 28/11/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Ninh Kiều đã đăng ký xong quyền sở hữu, sử dụng đối với toàn bộ nhà và đất trên cho bà Đỗ Thị G. Ngày 25/8/2017 bà Đỗ Thị G và ông Trương Minh Q1 đã chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất nêu trên cho bà Phan Thị Kim N và ông Đỗ

Minh G1.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn, phía bà Đỗ Thị G và ông Trương Minh Q1 không có yêu cầu gì khác liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Văn phòng Công chứng C (trước là Văn phòng Công chứng V) trình bày:

Vào ngày 16/9/2010 nguyên đơn và bị đơn có đến Văn phòng Công chứng V yêu cầu thiết lập văn bản thỏa thuận đứng tên giùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm ký kết văn bản thỏa thuận các bên đều xác nhận tự nguyện lập văn bản thỏa thuận; các bên khi giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội. Việc các đương sự sau khi ký văn bản thỏa thuận đã có hành vi vi phạm cam kết các điều khoản cam kết không thuộc trách nhiệm của Văn phòng công chứng.

Vì thế yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Văn phòng Công chứng C phải liên đới cùng bị đơn bồi thường cho nguyên đơn như yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở không thuộc trách nhiệm của Văn phòng Công chứng C. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Văn phòng công chứng liên đới.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú H bà Hồ Thị Q về việc “Đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại” đối với bà Võ Thị Cẩm H1.

Buộc bà Võ Thị Cẩm H1 có trách nhiệm trả cho ông Võ Phú H, bà Hồ Thị Q số tiền là: 5.367.000.000 đồng (*Năm tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng*). Khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn mà bà H1 chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Văn phòng Công chứng V (nay là Văn phòng Công chứng C) liên đới bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2021 ông Nguyễn Văn H2 (đại diện theo ủy quyền của bị đơn) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Trường T (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa. Bị đơn bà Võ Thị Cẩm H1 vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng bà Trần Ngọc H3 (đại diện theo ủy quyền của bị đơn) có mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Ông Võ Hồ Thế P (đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh Q1, bà Đỗ Thị G) đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận, bà Trần Ngọc H3 (đại diện theo ủy quyền của bị

đơn) trình bày: Bản án sơ thẩm đã có những vi phạm tố tụng như đã nêu trong đơn kháng cáo, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi biên bản nghị án và bản án gốc không có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng xét xử. Về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ dẫn đến phán quyết gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm (bản án gốc) và biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ có chữ ký có Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, không có chữ ký của 02 Hội thẩm nhân dân. Theo quy định tại Điều 14 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *“Tòa án xét xử tập thể vụ án dân sự và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn”*; Khoản 3 Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử. Biên bản nghị án phải được các thành viên Hội đồng xét xử ký tên tại phòng nghị án trước khi tuyên án”*. Bản án gốc sơ thẩm và biên bản nghị án chỉ có chữ ký của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm là vi phạm tố tụng, không đảm bảo nguyên tắc xét xử tập thể của Tòa án, và không đúng quy định về mẫu biểu trong tố tụng dân sự ban hành kèm theo Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Những thiếu sót này, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

[2] Bản án sơ thẩm bị hủy do vi phạm nghiêm trọng về tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét đến nội dung vụ án.

[3] Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Hủy bản án sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ; Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Cẩm H1 không phải chịu, hoàn trả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000355 ngày 12/7/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ Nguyễn Đắc Minh

Trần Văn Mười

